

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2023
V/v ly hôn giữa chị A và A T

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, tra chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A – Sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N 1 (xóm 1, thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: A Nguyễn Đức T – Sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N 1 (xóm 1, thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2023, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và A Nguyễn Đức T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 02 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, A T không tu chí làm ăn chơi bời, rượu chè, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường cãi chửi nhau, khoảng năm 2013 A chị đã sống ly thân sau đó vì con vợ chồng có đoàn tụ lại nhưng A T không thay đổi cách sống, nên năm 2015 chị về nhà bố mẹ để ở từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục sống chung với nhau được nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn A Nguyễn Đức T.

Về nuôi con chung: Giữa chị và A T có 01 con chung là Nguyễn Phúc T, sinh ngày 04/3/2011, con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu A T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Phúc T có đơn đề nghị khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn: A Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng A không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị A.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Nút (mẹ đẻ của A T) thể hiện: A Nguyễn Đức T là con trai lớn của gia đình bà, kết hôn với chị Nguyễn Thị A là người cùng xã vào năm 2009. Sau khi kết hôn A T và chị A có 01 con chung là Nguyễn Phúc T, sinh năm 2011 hiện nay cháu đang ở với chị A tại nhà ông bà ngoại cháu. A T và chị A vẫn có hộ khẩu thường trú tại xã H, A chị đã sống ly thân. Nay chị A làm đơn xin ly hôn A T là chuyện riêng của các cháu bà không có ý kiến gì. Hiện A T đi làm tự do ở nơi khác thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình, bà nhận và giao các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho A T, còn việc A T không đến Tòa án làm việc với lý do gì bà không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và A Nguyễn Đức T;

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Nguyễn Phúc T cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. A Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 A T vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và A Nguyễn Đức T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 26/02/2009 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống chị A trình bày không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, chị và A T đã tìm cách khắc phục nhưng không được. Từ năm 2015 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với A T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. A Nguyễn Đức T biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị A với A, nhưng A không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị A.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị A và A T không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn A Nguyễn Đức T của chị Nguyễn Thị A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị A và A T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 04/3/2011 hiện đang ở với chị A.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và đề nghị của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án A T vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung; chị A xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung, hiện chị có công ăn, việc làm thu nhập ổn định nên không yêu cầu A T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Xét nguyện vọng và đề nghị của chị A là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là Nguyễn Phúc T cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. A Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị A; A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết, A T không có ý kiến gì về phân chia tài sản nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và A Nguyễn Đức T;

2. Về nuôi con chung chưa T niên: Giao con chung là Nguyễn Phúc T, sinh ngày 04/3/2011 cho chị Nguyễn Thị A tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A, A Nguyễn Đức T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị A đã nộp theo biên lai số 0004867, ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Bùi Xuân Thọ